

Số: 478/2020/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 13 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 668/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lưu Đức S, sinh năm 1988; thường trú: Xóm M, xã P, huyện Đ, tỉnh T; tạm trú: 48B/1D khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh B.

2. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1991; thường trú: Xóm M, xã P, huyện Đ, tỉnh T; tạm trú: 48B/1D khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Đức S và bà Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2010, cấp ngày 07/12/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay ông Lưu Đức S và bà Đỗ Thị H xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông S và bà H có 02 con chung tên Lưu Minh H, sinh ngày 20/8/2011 và Lưu Minh H, sinh ngày 05/11/2012. Ông S và bà H thống nhất sau khi ly hôn bà Đỗ Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lưu Đức S cấp dưỡng nuôi hai con chung với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/con. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện

từ tháng 7/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lưu Đức S và bà Đỗ Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông S và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng, thỏa thuận không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Đức S và bà Đỗ Thị H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà Đỗ Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Lưu Minh H, sinh ngày 20/8/2011 và Lưu Minh H, sinh ngày 05/11/2012.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lưu Đức S cấp dưỡng nuôi hai con chung với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/con. Việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Lưu Đức S và bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046820 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh T (theo GCN số 46 vào ngày 07/12/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Hoàng Vương